

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2020/DS-ST

Ngày: 17/7/2020

V/v: *Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Kiên

2. Bà Trương Thị Hồng Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 17/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2020/TLST-DS, ngày 04 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Duy Ng, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện TT, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Ông Trương Cộng H, sinh năm: 1956

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện TT, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2020, bản tự khai ngày 12/3/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là anh Nguyễn Duy Ng trình bày: Vào ngày 05/5/2016 âm lịch (*Tức là ngày 09/6/2016 dương lịch*) ông Trương Cộng H có đến gia đình anh (*ở thôn Q, xã T, huyện TT, tỉnh Thanh Hóa*) vay của anh số tiền là 45.000.000đ (*Bốn mươi lăm triệu đồng*) và hẹn đến ngày 05/6/2016 âm lịch (*Tức ngày 08/7/2016 dương lịch*) sẽ thanh toán toàn bộ số tiền nợ trên. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng; đến hạn trả nợ, anh đã nhiều lần yêu cầu ông H trả nợ nhưng ông H vẫn khất lần không chịu thanh toán số tiền nợ trên cho anh. Nay, anh yêu cầu Tòa án buộc ông Trương Cộng H thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc với

số tiền là 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng), anh Ng không yêu cầu trả lãi suất.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập ông Trương Cộng H đến Tòa án nhưng ông H cố tình không đến và không trình bày ý kiến nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Trương Cộng H. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, ông Trương Cộng H có mặt và trình bày ý kiến: Việc ông ký giấy vay tiền của anh Nguyễn Duy Ng vào ngày 05/5/2016 âm lịch (Tức là ngày 09/6/2016 dương lịch) là đúng, tuy nhiên theo ông H trình bày, trước đây ông có vay của anh Ng số tiền là 10.000.000đ (Thời gian vào khoảng năm 2015, ngày tháng cụ thể ông không nhớ), sau đó do khó khăn nên ông không trả được nợ cho anh Ng, vì vậy anh Ng đã tính cả gốc và lãi thành số tiền 50.000.000đ; sau đó ông đã trả cho anh Ng được 5 triệu đồng nên anh Ng và ông lập giấy vay tiền ghi số tiền vay là 45.000.000đ; vợ chồng ông đã trả cho anh Ng được 28.000.000đ tiền mặt và trả bằng chiếc xe máy của ông do anh Ng giữ, ông tính khoảng 17.000.000đ hoặc 18.000.000đ nên ông cho rằng đã trả xong toàn bộ số nợ cho anh Ng. Ngoài việc trình bày bằng lời khai tại phiên tòa, ông H không có tài liệu chứng cứ nào cung cấp cho Tòa án về việc đã trả nợ cho anh Ng như ông trình bày.

Anh Nguyễn Duy Ng không đồng ý với nội dung lời khai của ông Trương Cộng H, theo anh việc ông H vay tiền của anh đã diễn ra nhiều lần, trong suốt thời gian dài nên ông H không nhớ cụ thể còn chiếc xe máy như ông H trình bày là do vợ ông H bán cho anh chứ không liên quan đến việc vay nợ giữa ông H và anh. Do đó anh Yêu cầu ông H trả cho anh số nợ gốc là 45.000.000đ, anh không yêu cầu ông H phải trả tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Duy Ng và ông Trương Cộng H đang tranh chấp về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” do ông Hòa vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo khoản 3 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Trương Cộng H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã T, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành.

[2] Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hai lần nhưng ông Trương Cộng H vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt ông H và đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông H theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS sự. Tòa án cũng đã triệu tập hợp hợp lệ ông H đến phiên hoà giải hai lần nhưng ông H đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây

là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, ông Trương Cộng H phải chịu hậu quả do việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 96 BLTTDS; Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ông Trương Cộng H có mặt tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung: Việc ông Trương Cộng H vay của anh Nguyễn Duy Ng số tiền là 45.000.000đ (*Bốn mươi lăm triệu đồng*) được thể hiện trong giấy vay tiền ngày 05/5/2016 (*Âm lịch*) mà anh Ng giao nộp cho Tòa án. Trong giấy vay tiền của chữ ký và ghi rõ họ tên của người vay là Trương Cộng H và người cho vay là Nguyễn Duy Ng, như vậy hợp đồng vay tiền giữa anh Ng và ông H đã được xác lập bằng văn bản, là hợp đồng hợp pháp. Thời hạn vay tiền từ ngày 05/5/2016 âm lịch (*Tức là ngày 09/6/2016 dương lịch*) đến ngày 05/6/2016 âm lịch (*Tức ngày 08/7/2016 dương lịch*). Đến nay thời hạn trả nợ đã hết, mặc dù trong giấy vay tiền hai bên có thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng nhưng nay anh Ng chỉ yêu cầu ông H trả tiền gốc đã vay là 45.000.000đ (*Bốn mươi lăm triệu đồng*) mà không yêu cầu ông H trả tiền lãi.

Mặc dù tại phiên tòa, ông H trình bày số tiền trên là do năm 2015 ông vay của anh Ng 10.000.000đ, sau đó anh Ng tính cả gốc và lãi thành 50.000.000đ, sau đó do anh Ng đòi ông mới trả được 5.000.000đ và ông cùng với anh Ng viết giấy vay tiền với số tiền là 45.000.000đ; tính đến nay số tiền ông đã trả cho anh H là 28.000.000đ tiền mặt và số tiền trừ chiếc xe máy ông gặt nợ cho anh Ng thì ông đã trả xong cho anh Ng. Tuy nhiên, ông H không cung cấp được căn cứ chứng minh cho lời khai của mình về việc trả nợ cho anh Ng nên không có căn cứ để chấp nhận.

Xét thấy, các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 91 BLTTDS nên căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Duy Ng. Buộc ông Trương Cộng H trả nợ cho anh Nguyễn Duy Ng số tiền là 45.000.000đ.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự ;

Căn cứ các Điều 357, 463; khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Nguyễn Duy Ng.

Buộc ông Trương Cộng H phải trả cho anh Nguyễn Duy Ng số tiền là 45.000.000đ (*Bốn mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Ông Trương Cộng H phải chịu 2.250.000đ (*Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho anh Nguyễn Duy Ng số tiền là 1.125.000đ (*Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2018/0002682 ngày 27/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh Nguyễn Duy Ng và ông Trương Cộng H. Anh Nguyễn Duy Ng và ông Trương Cộng H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TT;
- Chi cục THADS huyện TT;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Minh

